Phòng Văn hóa và Thông tin
Huyện Đak Đoa, Tỉnh Gia Lai
03.07.2020 13:48:37 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAK ĐOA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 232 /BC-UBND	*Đak Đoa, ngày 03 tháng 7 năm 2020*

BÁO CÁO

Kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2020

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2020 của huyện được thể hiện trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện:

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản pháp luật có liên quan, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng 6 tháng đầu năm 2020. Trong đó tập trung chỉ đạo, thực hiệc các nhiệm vụ sau: tăng cường công tác quản lý chi ngân sách nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả, triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, nhằm phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế và dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất đai đảm bảo sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định trên mọi lĩnh vực.

Trong năm, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt quy chế dân chủ, tạo điều kiện để mọi cán bộ, công chức và nhân dân tham gia công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết hợp công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành, UBND huyện đã ban hành một số văn bản tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị mình theo hướng tăng cường các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện.

2. Việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 về việc ban hành Chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của

UBND huyện về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020; Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 về việc ban hành Chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020.

Thường xuyên quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chú trọng lĩnh vực quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công và gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

II. Kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Thực hành tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách nhà nước:

Việc quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước đối với các nguồn kinh phí ngân sách được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước: sau khi dự toán ngân sách được Ban Thường vụ Huyện ủy thông qua, UBND huyện trình HĐND huyện ban hành Nghị quyết, trên cơ sở Nghị quyết của HĐND huyện, UBND huyện quyết định giao dự toán cụ thể cho các cơ quan đơn vị, các xã, thị trấn, đồng thời tiến hành công khai dự toán cấp huyện, cấp xã theo quy định.

Chi ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2020 được tổ chức quản lý theo đúng quy định của cơ chế phân cấp hiện hành. UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, đảm bảo các chế độ chi cho con người, các chế độ cho đối tượng chính sách và đối tượng bảo trợ xã hội; ngân sách giao cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn được sắp xếp các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả góp phần kiềm chế lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong 6 tháng đầu năm 2020 việc quản lý và điều hành ngân sách đạt được một số kết quả như sau:

Đối với các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách huyện, dự toán chi tiết do cơ quan chuyên môn giao có chia ra kinh phí thực hiện tự chủ, kinh phí không thực hiện tự chủ và thực hiện tiết kiệm 10% theo quy định để tạo nguồn cải cách tiền lương. Số kinh phí tiết kiệm 10% tạo nguồn cải cách tiền lương theo dự toán đầu năm (6.883 triệu đồng), trong đó:

Tiết kiệm tại các đơn vị dự toán cấp huyện: 4.105 triệu đồng, bao gồm khối quản lý hành chính; đoàn thể: 1.827 triệu, khối giáo dục, đào tạo: 2.278 triệu đồng.

Tiết kiệm tại ngân sách cấp xã: 2.778 triệu đồng.

Tiếp tục giao tự chủ biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho 05 đơn vị sự nghiệp,18 phòng ban, hội đoàn thể thuộc huyện và 52 trường, trung tâm giáo dục công lập trên địa bàn huyện theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP và 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở đó các cơ quan, đơn vị, đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công. Đồng thời, định kỳ công khai tình hình sử dụng và tiến độ chi ngân sách cho cán bộ, công chức; đưa ra các biện pháp tiết kiệm tối đa 15% chi phí các khoản chi tiếp khách, xăng xe, văn phòng phẩm, điện nước, hội nghị …

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Ban quản lý Chợ huyện Đak Đoa, Đội Công trình đô thị, các đơn vị trường học tiếp tục thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị phát huy tính chủ động, sáng tạo, sắp xếp, tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả, phát huy được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và từng cá nhân trong việc khai thác nguồn lực chống lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, kết luận số 17-KL/TW ngày 11/09/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021. Kết quả 50% số kinh phí ngân sách giảm chi do thực hiện các Nghị quyết này được bổ sung vào nguồn thực hiện cải cách tiền lương là 2.395 triệu đồng.

Việc thực hiện các quy định về công khai: UBND huyện công khai dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm theo quy định. Hình thức công khai tại các cơ quan, đơn vị như: đăng trên trang thông tin điện tử, niêm yết công khai và thông báo tại cuộc họp hàng tháng, quý gắn với việc thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan. Nội dung công khai chủ yếu là việc sử dụng ngân sách nhà nước, kế hoạch mua sắm, sửa chữa, sử dụng trang thiết bị làm việc; quy hoạch, đào tạo, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức...

Trong 6 tháng đầu năm 2020 dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng nhiều đến đời sống nhân dân trên địa bàn huyện. Thực hiện nghiêm Nghị Quyết 42/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND huyện đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể chính trị huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu được các quy định, nhóm đối tượng được hỗ trợ. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tập trung rà soát, thẩm định, tổng hợp, lập danh sách hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng trình tự, thủ tục, chính xác, không để sai sót hoặc trùng đối tượng. Chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ cho các đối tượng kịp thời theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh. Kết quả đợt 1 đã hỗ trợ cho 2.193 đối tượng bảo trợ xã hội, 8.102 đối tượng thuộc hộ nghèo, 11.191 đối tượng thuộc hộ cận nghèo và 576 đối tượng người có công và thân nhân người có công với cách mạng, với tổng số tiền đã hỗ trợ 18.607,5 triệu đồng, trong đó sử dụng 50% nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện và cấp xã để hỗ trợ: 3.923,5 triệu đồng

2. Về quản lý đầu tư xây dựng:

Các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, góp phần tích

cực nâng cao hiệu quả, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện.

Tổng số công trình dự kiến triển khai năm 2020 là 150 công trình, trong đó: 108 công trình khởi công mới; 14 công trình thanh toán khối lượng hoàn thành và 28 công trình chuyển tiếp với tổng mức đầu tư: 229.164 triệu đồng, kế hoạch vốn năm 2020: 117.030 triệu đồng. Khối lượng thực hiện 36.850 triệu đồng, giải ngân 29.729 triệu đồng đạt 25%. Ước thực hiện khối lượng đến 30/6/2020 55.262 triệu đồng, ước giải ngân là 63.138 đạt 54%.

Trong 6 tháng đầu năm 2020 đã tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình theo quy định; tăng cường công tác giám sát của nhân dân; công tác thẩm định quyết toán đối với các dự án, công trình hoàn thành. Thông qua công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán tiết kiệm được 20,309 triệu đồng so với dự toán được phê duyệt và giá trị khối lượng đề nghị quyết toán. Qua kiểm tra các công trình đã kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý vốn, tiến độ thi công công trình, hạn chế tối đa tình trạng thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Tổng số công trình thực hiện quyết toán trong năm 2020: 196 công trình, tổng mức đầu tư: 267.036 triệu đồng, tổng số vốn đã thanh toán 154.900.triệu đồng, cụ thể: tổng số công trình đã phê duyệt quyết toán 08/196 công trình, tổng số công trình các chủ đầu tư đã nộp hồ sơ quyết toán về phòng Tài chính – Kế hoạch nhưng chưa thẩm tra quyết toán 89/196 công trình, tổng số công trình đã hoàn thành nhưng các chủ đầu tư chưa nộp hồ sơ quyết toán về phòng Tài chính – Kế hoạch để phòng thẩm tra trình UBND huyện phê duyệt quyết toán 99/196 công trình.

Hầu hết các chủ đầu tư chấp hành tốt việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số chủ đầu tư còn xem nhẹ công tác quyết toán vốn đầu tư, chưa thực hiện lập và trình thẩm tra phê duyệt quyết toán kịp thời theo quy định.

3. Về quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ:

Đẩy mạnh hoàn thành việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất cấp xã và cấp huyện góp phần khắc phục tình trạng đất bị bỏ hoang và có kế hoạch sử dụng hiệu quả hơn đối với các khu đất trống, chưa sử dụng nhằm khai thác nguồn thu quỹ đất; công khai phổ biến rộng rãi cho nhân dân và tổ chức thực hiện đúng quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đang triển khai thực hiện các thủ tục đấu giá giao quyền sử dụng đất đối với khu dân cư thị trấn đi xã Nam Yang và một số đất được quy hoạch trên địa bàn.

Trong 6 tháng đầu năm 2020 đã xử phạt vi phạm hành chính 01 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trái phép dưới 0,02 héc ta, thu nộp ngân sách nhà nước 08 triệu đồng.

Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, các công trình phúc lợi khác đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

4. Tiết kiệm trong quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường:

Thực hiện Chỉ thị 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp trong quản lý và cấp phép tài nguyên khoáng sản. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo thành lập các đội tuần tra rà soát các hoạt động khai thác về tài nguyên khoáng sản nhằm chấn chỉnh, ngăn chặn kịp thời các hành vi khai thác trái phép. Trong 6 tháng đầu năm 2020 qua công tác kiểm tra đã phát hiện và xử lý 05 vụ khai thác đá trái phép, 03 vụ vi phạm lĩnh vực bảo vệ môi trường, 10 vụ vi phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và quản lý lâm sản, số tiền xử phạt hành chính 118 triệu đồng, thu nộp ngân sách nhà nước từ bán, thanh lý tang vật, phương tiên gây án với số tiền 145 triệu đồng.

5. Về đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động:

Cán bộ công chức được tuyển dụng, sử dụng đúng với trình độ chuyên môn đào tạo, phát huy được năng lực, sở trường của nguồn lao động, không để xảy ra tình trạng mất cân đối giữa đào tạo và sử dụng, tuyển dụng không phù hợp với nhu cầu sử dụng, sử dụng không đúng chuyên môn đào tạo.

Thực hiện Nghị định 132/2007/NĐ-CP ngày 08/8/2007 của Chính phủ, Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giảm biên chế các cơ quan, định kỳ 06 tháng UBND huyện báo cáo tình hình thay đổi, bổ sung cán bộ, công chức thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định 132/2007/NĐ-CP ngày 08/8/2007, Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ với các ngành cấp trên.

Thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động theo Luật và nội quy, quy chế của cơ quan cùng với việc triển khai thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP, Nghị định 43/2006/NĐ-CP, Nghị định 16/2015/NĐ-CP về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

6. Quản lý, sử dụng tài sản:

Trong dự toán 6 tháng đầu năm 2020, các cơ quan, đơn vị thuộc huyện thực hiện mua sắm tập trung đối với những tài sản thuộc danh mục phải mua sắm tập trung theo Quyết định 798/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của UBND tỉnh.

Tiếp tục thực hiện tiết kiệm mua sắm, trang bị, sửa chữa phương tiện đi lại đặc biệt là xe ô tô. Trong 6 tháng đầu năm 2020 không phát sinh, mua mới phương tiện đi lại.

Việc sử dụng phương tiện đi lại đúng mục đích, đúng đối tượng và không vượt định mức, tiêu chuẩn theo quy định. Việc quản lý phương tiện, định mức tiêu hao nhiên liệu được thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Việc sử dụng trang thiết bị được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý sử dụng tài sản công của từng cơ quan, đơn vị.

Bên cạnh đó, qua kiểm tra tại một số đơn vị, xã, thị trấn vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc việc quản lý, theo dõi tài sản, định kỳ không thực hiện công tác kiểm kê tài sản.

Đối với nhà làm việc và trang thiết bị công tác: Bố trí phòng, nơi làm việc hợp lý, diện tích sử dụng vừa đủ không lãng phí so với quy định. Trang thiết bị công tác không thừa so với định mức của nhà nước.

7. Tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng của nhân dân:

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã tích cực triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tiêu dùng và sinh hoạt hàng ngày để phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay, cụ thể trên một số lĩnh vực như: điện, nước, xăng dầu, điện thoại, lễ, tiệc…Cùng với việc làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, ý thức tiết kiệm của nhân dân đã được nâng lên, tình trạng phô trương, lãng phí trong việc tổ chức lễ hội, tiệc cưới, lễ tang đã có chiều hướng giảm, nhiều địa phương đã thực hiện theo nếp sống mới.

Các đơn vị sản xuất kinh doanh cũng tổ chức rà soát, sắp xếp lại lao động trong đơn vị nhằm giảm chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

III. Về công tác thanh tra, kiểm tra thực hành tiết kiệm chống lãng phí:

Trong năm đã thực hiện 03 cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; số cơ quan tổ chức được thanh tra, kiểm tra là 03 đơn vị. Qua kiểm tra, thanh tra đã kiến nghị thu nộp ngân sách nhà nước 40 triệu đồng do chi sai quy định.

IV. Đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Kết quả đạt được:

Triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý ngân sách, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý tài sản Nhà nước.

Thực hiện tốt việc công khai dự toán, quyết toán ngân sách, kế hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch, ... hàng năm bằng hình thức gửi văn bản đến các cơ quan tổ chức và niêm yết tại trụ sở làm việc.

Xây dựng và thực hiện tốt các cuộc thanh tra, kiểm tra phát hiện uốn nắn kịp thời các sai phạm trong việc thực hiện luật ngân sách, luật kế toán, luật đất đai, trong lĩnh vực đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm….

2. Một số tồn tại:

Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nói chung và vận động quần chúng nhân dân tham gia giám sát việc triển khai thực hiện Luật THTK, CLP có lúc có nơi còn hạn chế, chưa sâu sát với thực tế, hiệu quả đem lại chưa cao.

Các biện pháp THTK, CLP đề ra còn mang tính chung chung, chưa phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn thực hiện chế độ thông tin báo cáo chưa nghiêm túc, chưa kịp thời, nên việc tổng hợp báo cáo chung tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của huyện còn gặp khó khăn.

Vai trò giám sát kết quả thực hiện nội dung THTK, CLP của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, đoàn thể trong mỗi cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn chưa đạt được hiệu quả tối ưu dẫn đến ý thức chấp hành về thời gian lao động của

cán bộ, công chức, viên chức nhìn chung được nâng lên nhưng hiệu quả sử dụng thời gian lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập còn thấp.

Một số đám cưới, đám ma còn tổ chức kéo dài hai, ba ngày gây tốn kém tiền của, thời gian, ngày công lao động của nhân dân.

3. Biện pháp khắc phục tồn tại:

Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hơn nữa nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong việc quản lý, điều hành và sử dụng NSNN.

Tiếp tục triển khai thực hiện khoán kinh phí hoạt động, giao tự chủ tài chính cho các cơ quan, tổ chức một cách có hiệu quả, tự chủ về tài chính, biên chế.

Có biện pháp khuyến khích để toàn dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tích cực triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ma chay, cưới hỏi thực hiện theo nếp sống mới.

Có quy định về việc khen thưởng kịp thời tổ chức, cá nhân phát hiện thông tin lãng phí có giá trị, có biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin lãng phí; đồng thời, có biện pháp để loại trừ các trường hợp lợi dụng để gây mâu thuẫn nội bộ, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức.

Các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý tài sản công, thường xuyên kiểm kê, cập nhật sổ sách theo quy định.

Thực hiện tốt chế độ báo cáo thông suốt, kịp thời đúng theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2020./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính tỉnh *(b/c)*;
- Thường trực Huyện ủy *(b/c)*;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Thanh tra huyện;
- Phòng VH &TT *(đăng tải trang TTĐT)*;
- Lưu: VT-KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ủy ban Nhân dân huyện Đak Đoa
Tỉnh Gia Lai
03.07.2020
10:20:36 +07:00

Phạm Minh Trung

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 232 /BC-UBND ngày 03 /7/2020 của UBND huyện Đak Đoa)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	**Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	**Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)**		**9.900,60**		**9.840,00**			
1	**Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN**		8.073		9.378			
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	8.073	9.278	9.278	114,9	100	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng		100	100			
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng		1.000			0,0	
2	**Sử dụng và thanh quyết toán NSNN**		**1.739,60**	**1.900,00**	**374,00**	**21,5**	**19,7**	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		469	510	239	51,0	46,9	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	*triệu đồng*	92	120	47	51,1	39,2	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	*triệu đồng*	75	80	20	26,7	25	
	Tiết kiệm sử dụng điện	*triệu đồng*	51	50	30	58,8	60	
	Tiết kiệm xăng, dầu	*triệu đồng*	55	60	20	36,4	33,3	
	Tiết kiệm nước sạch	*triệu đồng*	33	30	20	60,6	66,7	

	Tiết kiệm công tác phí	*triệu đồng*	42	40	18	42,9	45	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	*triệu đồng*	35	30	20	57,1	66,7	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	*triệu đồng*	54	70	32	59,3	45,7	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	*triệu đồng*	32	30	32	100,0	106,7	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		58,6	30	15	25,6	50	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	58,6	30	15	25,6	50	
	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		58,6	30	15	25,6		Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác		58,6	30	15	25,6		
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	626,7	640	60	9,6	9,4	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	235,3	300	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	0	10	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	350	400	60	17,1	15	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	0	10	0			
3	**Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ**		88		88			
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	88	88	88		100	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	0		0			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	0,00		0,00			
4	**Các nội dung khác**							
III	**Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**							
1	**Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)**							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	9	9	9	100	100	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0	0			

1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	0	0			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		0				
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng		0				
2	**Tài sản khác**		6		0			
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	6	18	0	0	0	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0	0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0	0			
3	**Các nội dung khác**							
IV	**Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng**							
1	**Trong đầu tư xây dựng**							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	1.105	50	20	1,8		Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	*triệu đồng*		50				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	*triệu đồng*	1.056	0	0	0		
	- Thực hiện đầu tư, thi công	*triệu đồng*						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	*triệu đồng*	48,59	0	20,31			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	**Trụ sở làm việc**							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	84.045	99.661	99.301	118,2	99,6	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	7.861	0		0	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	48	360	360	750	100	
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						

3	**Nhà công vụ**							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	1.242	1.932	1.242			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý,điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0	0	0			
4	**Các nội dung khác**							
4.1	Nhà văn hóa cấp xã	m2	1578,8	1040		0		
4.2	Nhà văn hóa thôn	m2	12316,9	398		0	0	
V	**Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên**							
1	**Quản lý, sử dụng đất**							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2			0,2			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	1,5	50	8	533,3	16	
1.4	Các nội dung khác							
2	**Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác**							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	42	30	18	42,9	60	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	134,75	130	118	87,6	90,8	
3	**Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được**							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	**Các nội dung khác**							
4.1	Số lượng vụ việc vi phạm	vụ		5	3		60	
4.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		20	5,25		26,3	
VI	**Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước**							
1	**Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động**	vụ						
2	**Số tiền xử lý vi phạm thu được**	triệu đồng						
3	**Các nội dung khác**							

VII	**Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**							
1	**Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh**							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	*triệu đồng*						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	*triệu đồng*						
	Thực hiện đầu tư, thi công	*triệu đồng*						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	*triệu đồng*						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	*dự án*						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	*triệu đồng*						
2.5	Các nội dung khác							
3	**Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN**							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	**Mua sắm phương tiện**							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						

	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	**Nợ phải thu khó đòi**							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	**Vốn chủ sở hữu**							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	**Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân**							
1	**Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP**	**Lượt hộ**	20.454	20.964	19.528	95,5	93,2	
2	**Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện**	**Vụ**						
IX	**Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP**							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	6	5	3	50	60	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	4		2	50		
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	5		3	60		
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	5		2	40		
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	421,64		293,82	69,7		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	421,64		250,64	59,4		